



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566

Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17

Ngày BH: 01/3/2025

Số: 203/674/KK/0525

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 16/6/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ

Địa chỉ: B15-1 đường 1A, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 29/5/2025

Ngày thử nghiệm: 29/5/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Không khí (KK1)

Số lượng: 01

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Có - Biên bản lấy mẫu hiện trường số 0113

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	KPH (MDL=8)
2	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	10,4
3	CO	µg/Nm ³	TCVN 7242:2003	KPH (MDL=3.000)
4	Hàm lượng Hydrocacbon (C _n H _m) ⁽¹⁾	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Pentan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Hexane	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng Cyclohexan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng Methylcyclohexan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Heptan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Octane	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Nonan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Decan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Undecan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng n-Dodecan	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)
	Hàm lượng Cyclohexen	µg/Nm ³		KPH (MDL=60)

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).

⁽¹⁾phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.

“KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

- Vị trí thu mẫu: khu vực máy phát điện, tọa độ VN2000 (1104932; 590184)

TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC



Đoàn Thanh Tâm

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566

Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17

Ngày BH: 01/3/2025

Số: 203/673/N/0525

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 16/6/2025

Trang 01/03

Khách hàng (Cơ quan): Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ

Địa chỉ: B15-1 đường 1A, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 29/5/2025

Ngày thử nghiệm: 29/5/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (NT1)

Số lượng: 01

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Có – Theo biên bản lấy mẫu hiện trường số 0113

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,21
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	TCVN 6625:2000	11
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	3
4	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	8,3
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000	1,7
6	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500- P B&E:2017	KPH (MDL=0,03)
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
8	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
9	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B: 2017	KPH (MDL=0,0003)
12	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
13	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)
14	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,3
15	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3,4x10 ¹
16	Độ màu ⁽¹⁾	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (MDL=4)

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566

Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17

Ngày BH: 01/3/2025

Số: 203/673/N/0525

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả:

16/6/2025

Trang 02/03

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
17	Hóa chất BVTV gốc Clo hữu cơ ⁽¹⁾	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,03)
	Heptachlor	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Aldrin	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	Endrin	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Dieldrin	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Heptachlor epoxid	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	α-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	β-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	γ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	δ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	Cis- Chlordane	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	Trans- Chlordane	µg/L		KPH (MDL=0,006)
	p,p' - DDD	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	p,p' - DDE	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	p,p' - DDT	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Endosulfan I	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Endosulfan II	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Endosulfan -sulfate	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Endrin aldehyde	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Endrin keton	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Methoxychlor	µg/L		KPH (MDL=0,03)

1. Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING

Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566

Email: ttqtnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17

Ngày BH: 01/3/2025

Số: 203/673/N/0525

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 16/6/2025

Trang 03/03

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
18	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ ⁽¹⁾	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,03)
	Chlorpyrifos	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Chlorpyrifos – Methyl	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Diazinon	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Dimethoate	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Disulfoton	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Methyl parathion	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Parathion	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Famphur	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Fenamiphos	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Phorate	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Tetraethyl Dithiopyrophosphate	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	O,O,O - Triethylthiophosphate	µg/L		KPH (MDL=0,03)
	Zinophos	µg/L		KPH (MDL=0,03)

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).

⁽¹⁾phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.

“KPH”: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.

- Vị trí thu mẫu: tại điểm đầu nổi nước thải của công ty vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1, tọa độ VN2000 (1104752; 590274)

TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ
THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Luân

Đoàn Thanh Tâm

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.